

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2018/HS-PT
Ngày: 01/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Tự

Các Thẩm phán:

Ông Lê Phước Thanh

Bà Lê Thúy Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 109/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo TRƯƠNG THỊ H về tội “Nhận hối lộ”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị O đối với bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

TRƯƠNG THỊ H, sinh năm 1963, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa: 10/10 ; nghề nghiệp: Thẩm phán, đã bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 10/QĐ-TCCB ngày 16/01/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; con ông: Trương Tấn Triền và bà: Nguyễn Thị D (đều chết); chồng là: Bùi Đình L, sinh năm 1960, có 01 con sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến

kháng cáo, kháng nghị:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nông Văn T, sinh năm 1969; trú tại: Thôn 12, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1971; trú tại: Thôn 12, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Luật sư Nguyễn Văn Q – Công ty luật TNHH Hằng Luật H là người bảo vệ quyền lợi cho Ông Nông Văn T và Hoàng Thị O, (vắng mặt).

Luật sư Lê Xuân Anh P - Công ty luật T - Chi nhánh Đắk Lắk là người bảo vệ quyền lợi cho Ông Nông Văn T, (có mặt).

Luật sư Lưu Thị Thu H – Trung tâm tư vấn pháp luật Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk, là người bảo vệ quyền lợi cho Ông Nông Văn T, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRƯỞNG THỊ H là Phó Chánh án TAND huyện E, tỉnh Đắk Lắk được phân công thụ lý, giải quyết vụ án Nông Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại Điều 202 BLHS. Quá trình giải quyết vụ án, TRƯỞNG THỊ H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2016/QĐST-TA ngày 25/10/2016, dự kiến xét xử ngày 10/11/2016. Chiều ngày 27/10/2016, Nông Văn T đến phòng làm việc của TRƯỞNG THỊ H nhận Quyết định trên và hỏi TRƯỞNG THỊ H về mức án. TRƯỞNG THỊ H nói lỗi hoàn toàn do ông T nên mức hình phạt từ năm năm đến mười lăm năm tù (BL349). Nông Văn T đặt vấn đề với TRƯỞNG THỊ H xin giảm nhẹ hình phạt vì phải ở nhà nuôi vợ con. TRƯỞNG THỊ H đã cho Nông Văn T số điện thoại 0919953399 để liên lạc.

Ngày 02/11/2016, TRƯỞNG THỊ H gọi điện thoại đến số máy 0919410938 của ông T nói “có làm không?” ý bảo ông T “có lo chạy để được hưởng án treo không?”. Nông Văn T hỏi TRƯỞNG THỊ H “hết bao nhiêu?”, TRƯỞNG THỊ H nói “phải lo cấp sơ thẩm và cả phúc thẩm nên hết 80 đến 90 triệu đồng”. Sau đó, Nông Văn T gọi điện thoại xin TRƯỞNG THỊ H bớt cho 10 triệu đồng (BL số 341, 345, 349). TRƯỞNG THỊ H hẹn Nông Văn T đến nhà nói chuyện.

Tài liệu điều tra thể hiện, TRƯƠNG THỊ H liên tục gọi điện thoại cho Nông Văn T giục đưa tiền vì sắp đến ngày xét xử nhưng do chưa lo đủ tiền nên TRƯƠNG THỊ H bảo Nông Văn T làm đơn xin hoãn phiên tòa. TAND huyện E ra Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2016/HSST/QĐ-HPT ngày 10/11/2016 đến ngày 24/11/2016. Do mẹ đẻ mất nên ngày 21/11/2016 TRƯƠNG THỊ H kí thông báo mở lại phiên tòa vào 14h ngày 06/12/2016.

Khoảng 18h ngày 03/12/2016, Hoàng Thị O (là vợ Ông T) cùng Nông Văn T1 (là con trai) đến nhà TRƯƠNG THỊ H trình bày hoàn cảnh khó khăn, gia đình mới thu xếp được 50 triệu đồng, xin bớt 10 triệu đồng. H đồng ý và hẹn phải lo đủ 80 triệu đồng trong ngày 04/12/2016. Khoảng 09h ngày 04/12/2016 TRƯƠNG THỊ H gọi điện thoại cho Nông Văn T nói “có làm thì đưa tiền ra”, Nông Văn T nói “đưa trước 50 triệu được không?” nhưng H không đồng ý, nói “đủ thì mang ra”.

Khoảng 12h30 ngày 05/12/2016 Nông Văn T cùng vợ là Hoàng Thị O đến gặp H tại nhà riêng và đưa 80 triệu đồng (gồm 08 cục, mỗi cục có nhiều mệnh giá khác nhau, buộc bằng dây chun). Trương Thị H nhận tiền và cất giữ tại nhà riêng (BL số 349, 350, 353). Nông Văn T đã chụp ảnh số tiền này, ghi âm, ghi hình quá trình nhận tiền của TRƯƠNG THỊ H và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Sáng ngày 06/12/2016, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiến hành làm việc, TRƯƠNG THỊ H đã khai nhận hành vi như trên và tự nguyện giao nộp 80 triệu đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 58/C54“P6 ngày 16/5/2017 của Viện KH học hình sự - Bộ Công an kết luận:

Tiếng nói của người phụ nữ được gọi là “chị” trong mẫu cần giám định (kí hiệu H trong bản dịch nội dung) với tiếng nói của TRƯƠNG THỊ H trong mẫu so sánh của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “em” trong mẫu cần giám định (kí hiệu là Ông T trong bản dịch nội dung) với tiếng nói của Nông Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Ngoài ra, TRƯƠNG THỊ H chỉ đạo Hoàng Trí L soạn sẵn dự thảo hai Bản án có mức án khác nhau. Cụ thể: Dự thảo bản án ngày 10/11/2016 ghi “Xử phạt bị cáo Nông Văn T... tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án” (BL 60-62). Bản án dự thảo ngày 06/12/2016 ghi “Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm” (BL: 57-59).

Đối với Hoàng Trí L - Thư ký và ông Trần Văn L - Chánh án TAND huyện E, tỉnh Đắk Lắk biết việc TRƯỜNG THỊ H nhận tiền của Nông Văn T nhưng cả hai không tham gia, không thỏa thuận hay hưởng lợi từ việc làm của TRƯỜNG THỊ H. Hơn nữa, Hoàng Trí L nói H báo cáo ông Trần Văn L sự việc trên. Sau khi H báo cáo, ông L yêu cầu H trả tiền cho Nông Văn T và cho quan điểm chỉ đạo vụ án Nông Văn T không được hưởng án treo nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với Trần Văn L và Hoàng Trí L.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ - Viện trưởng và ông Hồ Xuân T2 – Kiểm sát viên VKSND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, tài liệu điều tra thể hiện qua trao đổi giữa TRƯỜNG THỊ H với Nông Văn T có nội dung phải đưa tiền cho Viện kiểm sát và cấp trên để hưởng án treo. Tuy nhiên, TRƯỜNG THỊ H không trao đổi và không đưa tiền cho bất kỳ ai. Ông Đ và ông T2 không biết việc TRƯỜNG THỊ H nhận tiền của Nông Văn T nên không có cơ sở xem xét, xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HS-ST ngày 16/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo TRƯỜNG THỊ H phạm tội: “Nhận hối lộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 279 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo TRƯỜNG THỊ H 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2017, bị cáo TRƯỜNG THỊ H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/10/2017, ông Nông Văn T kháng cáo về phần dân sự và đề nghị buộc bị cáo phải trả phần lãi suất chậm trả đối với số tiền bị cáo đã nhận là 80.000.000đồng.

Ngày 27/10/2017, bà Hoàng Thị O kháng cáo cho rằng bản án xử không khách quan, bỏ lọt tội, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu phần tiền lãi chậm trả đối với số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 18/9/2018, bị cáo TRƯỜNG THỊ H có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Ngày 25/9/2018, bị cáo TRƯỜNG THỊ H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị O giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Hành vi của bị cáo đã bị xử lý về hình sự. Pháp luật không có qui định người nhận hối lộ phải trả tiền lãi đối với số tiền nhận hối lộ. Bản án sơ thẩm tuyên trả toàn bộ số tiền 80.000.000đ là xem xét có lợi nhất cho ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị O . Do đó, không có căn cứ chấp nhận tính lãi đối với số tiền nhận hối lộ. Về phần hình phạt, các tình tiết trong hồ sơ vụ án cho thấy bị cáo TRƯƠNG THỊ H có dấu hiệu đòi hối lộ, cần xét xử theo điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không đúng pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Luật sư Lê Xuân Anh P phát biểu: Số tiền đưa hối lộ của ông Nông Văn T là bằng chứng tố giác tội phạm nên ông Nông Văn T có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về trả tiền lãi theo qui định. Đối với bị cáo TRƯƠNG THỊ H, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không đúng.

Luật sư Lưu Thị Thu H phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo TRƯƠNG THỊ H mức án 01 năm tù là nhẹ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Về phần dân sự, ông Nông Văn T đưa tiền để lập bằng chứng tố cáo. Do đó, nên xem xét ông Nông Văn T là người bị hại và buộc bị cáo trả tiền lãi chậm trả trên số tiền nhận hối lộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo TRƯƠNG THỊ H đã lợi dụng việc được phân công thụ lý, giải quyết vụ án Nông Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự. Khi ông Nông Văn T đặt vấn đề với TRƯƠNG THỊ H xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Bị cáo H đồng ý nếu ông T đưa số tiền 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng thì bị cáo sẽ xét xử ông T hưởng án treo. Bị cáo H đã nhận của Nông Văn T và vợ là Hoàng Thị O 80.000.000 đồng tại nhà riêng của bị cáo.

[2] Bị cáo TRƯƠNG THỊ H khi còn là Thẩm phán đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao mà còn lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận tiền của người phạm tội để hứa hẹn xử lý nhẹ khi xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội: " Nhận hối lộ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Bị cáo đã không thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao là xét xử đúng pháp luật mà ngược lại, thỏa thuận nhận tiền của người phạm tội để xử lý nhẹ. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến đội ngũ cán bộ công chức thuộc ngành tư pháp mà còn gây sự bất bình trong xã hội khi việc xét xử không dựa trên các chuẩn mực, qui định của pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm để đảm bảo tính giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo TRƯƠNG THỊ H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng ngày 18/9/2018, bị cáo có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo TRƯƠNG THỊ H.

[5] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị O, thấy rằng: Số tiền 80.000.000 đồng mà Nông Văn T đưa cho bị cáo để tố cáo về tội: “Nhận hối lộ” là giao dịch trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét gia đình ông Nông Văn T đang gặp khó khăn, phải đi vay của người khác, nên áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả 80.000.000 đồng cho ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị O là phù hợp. Do giao dịch trái pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo tính lãi chậm trả đối với số tiền đưa hối lộ như ý kiến của các Luật sư.

[6] Trong vụ án này, bà Hoàng Thị O tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo qui định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bà Hoàng Thị O không có quyền kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát không có kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Về mức hình phạt: Hành vi bị cáo thỏa thuận nhận tiền hối lộ chưa đến mức để xem là: “Đòi hối lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 và mức án đã tuyên là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

[8] Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo TRƯƠNG THỊ H, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo TRƯƠNG THỊ H là không chính xác, như ý kiến của Luật sư Lê Xuân Anh Phú.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo TRƯƠNG THỊ H.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị O.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên bố: Bị cáo TRƯƠNG THỊ H phạm tội: “Nhận hối lộ”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 279 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo TRƯƠNG THỊ H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí:

Bị cáo TRƯƠNG THỊ H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Nông Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002293 ngày 21/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bà Hoàng Thị O phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002292 ngày 21/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự